

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1399/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 1086/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2076/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: đường C, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: đường C, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: bà T và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01 ngày 03/01/2002.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T thường phát sinh mâu thuẫn do ông T sông không có trách nhiệm với gia đình, ngoại tình, đánh đập và xúc phạm bà T. Bà T đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T vẫn không sửa đổi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà T và ông T đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Bùi Lê Thu H, sinh năm 2004 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng; tại bản tự khai ngày 07/12/2020, bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T, yêu cầu nuôi con chung tên Bùi Lê Thu H và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng; tại bản tự khai ngày 26/3/2021, bà T xác định lại là yêu cầu nuôi con chung tên Bùi Lê Thu H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Bùi Tiến M sinh năm 2002, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Bùi Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Bùi Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Bùi Ngọc T; Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Bùi Lê Thu H, sinh ngày 04/3/2004, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: không có. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Ngọc T, ông T cư trú tại phường Phước Long A, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà T và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 03/01/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T thường phát sinh mâu thuẫn do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, ngoại tình, đánh đập và xúc phạm bà T, bà T đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T vẫn không sửa đổi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà T và ông T đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Ông Bùi Ngọc T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo kết quả xác minh của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 9, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9, Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Quận 9 đều trả lời không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà T và ông T.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng bà T và ông T không còn chung sống với nhau và không còn tình cảm với nhau, không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh H cấp xác định bà T và ông T có 02 người con chung tên Bùi Tiến M và Bùi Lê Thu H.

Xét, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Lê Thu H, sinh ngày 04/3/2004. Đồng thời cháu H hiện đang chung sống cùng bà T và cũng có nguyện vọng được ở với bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung tên Bùi Lê Thu H, sinh ngày 04/3/2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: bà T xác định vợ chồng bà tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Bùi Ngọc T.
- Về con chung: Bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Lê Thu H, sinh ngày 04/3/2004. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Con chung tên Bùi Tiến M sinh năm 2002, đã trưởng thành.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số: AA/2019/0047144 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh H cấp ngày 03 tháng 01 năm 2002 cho ông Bùi Ngọc T và bà Lê Thị T không còn giá trị pháp lý.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Minh Hiếu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Quý

Phan Thị Hoa

Lương Minh Hiếu